

Số: *26* /NQ-HĐND

Mường Tè, ngày *16* tháng *10* năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện  
các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ  
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 25/4/2024 của HĐND huyện Mường Tè về phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách địa phương; các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh và điều chỉnh dự toán năm 2024 ;*

*Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Mường Tè phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách địa phương; các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh và điều chỉnh dự toán năm 2024;*

*Căn cứ các Quyết định: Số 673/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của UBND huyện Mường Tè về việc chi chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2023 sang năm 2024; số 1535/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND huyện Mường Tè về*

việc điều chỉnh giảm chi chuyển nguồn ngân sách năm 2023 sang năm 2024 và quyết định chuyển nguồn ngân sách của UBND các xã, thị trấn năm 2023 sang năm 2024;

Xét Tờ trình số 3026/TTr-UBND ngày 13/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 158/BC-HĐND ngày 16/10/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024, với tổng số tiền là **8.636,914 triệu đồng** (Bằng chữ: Tám tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng), cụ thể như sau:

- Điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 2.799,914 triệu đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng).

- Điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là: 5.837 triệu đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu đồng).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè khóa XXI, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 16 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ VN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND; UBND các xã, thị trấn;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT.

**CHỦ TỌA**



**Nguyễn Xuân Trường**

## BIỂU ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 16 /10/2024 của HĐND huyện Mường Tè)

ĐVT: Triệu đồng



STT	Nội dung	Số liệu đã phê duyệt trước khi điều chỉnh	Kinh phí		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh Tăng (+)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.365,000</b>	<b>8.636,914</b>	<b>8.636,914</b>	<b>9.365,000</b>	
<b>A</b>	<b>Chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia</b>	<b>9.365,000</b>	<b>8.636,914</b>	<b>8.636,914</b>	<b>9.365,000</b>	
<b>I</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>3.028,000</b>	<b>2.799,914</b>	<b>2.799,914</b>	<b>3.028,000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024</b>	<b>500,000</b>	<b>500,000</b>	<b>500,000</b>	<b>500,000</b>	
<b>1.1</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	<b>500,000</b>	<b>500,000</b>	<b>500,000</b>	<b>500,000</b>	
<b>a</b>	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	500,000	500,000	500,000	500,000	
<b>*</b>	Nội dung 1+3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	500,000	500,000	500,000	500,000	
<b>-</b>	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	500,000	500,000	500,000	500,000	
	+ Dự án trồng riêng	500,000	500,000		0,000	
	+ Dự án chăn nuôi ngựa sinh sản	0,000		500,000	500,000	
<b>2</b>	<b>Vốn kế hoạch năm 2024</b>	<b>2.528,000</b>	<b>2.299,914</b>	<b>2.299,914</b>	<b>2.528,000</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	<b>2.208,000</b>	<b>2.208,000</b>	<b>2.208,000</b>	<b>2.208,000</b>	
<b>1.1</b>	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.208,000	2.208,000	2.208,000	2.208,000	

STT	Nội dung	Số liệu đã phê duyệt trước khi điều chỉnh	Kinh phí		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh Tăng (+)		
A	B	1	2	3	4	5
*	Nội dung 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.	2.000,000	2.000,000	0,000	0,000	
-	Xã Thu Lũm (Dự án dược liệu)	1.000,000	1.000,000		0,000	
-	Xã Pa Vệ Sủ (Dự án dược liệu)	1.000,000	1.000,000		0,000	
*	Nội dung 1+3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	208,000	208,000	2.208,000	2.208,000	
-	Xã Thu Lũm (Dự án chăn nuôi Trâu sinh sản)	0,000		1.000,000	1.000,000	
-	Xã Pa Vệ Sủ (Dự án chăn nuôi Bò sinh sản)	0,000		1.000,000	1.000,000	
-	Xã Mù cả	208,000	208,000	208,000	208,000	
	+ Dự án hỗ trợ nuôi ong mật (ong nội)	208,000	208,000		0,000	
	+ Dự án chăn nuôi bò sinh sản	0,000		208,000	208,000	
2	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình</b>	<b>320,000</b>	<b>91,914</b>	<b>91,914</b>	<b>320,000</b>	
2.1	Tiểu dự án 1: (Nội dung số 1) Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS &MN giai đoạn 2021-2030	320,000	91,914	91,914	320,000	
*	Nội dung 2: Phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS; tổ chức hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc	320,000	91,914	91,914	320,000	
-	Phòng Dân tộc	200,000	91,914	0,000	108,086	
	+ Tổ chức hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc	200,000	91,914		108,086	
-	Phòng tư pháp	120,000	0,000	91,914	211,914	



STT		Số liệu đã phê duyệt trước khi điều chỉnh	Kinh phí		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh Tăng (+)		
A		1	2	3	4	5
	+ Phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS;	120,000		91,914	211,914	
<b>II</b>	<b>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững</b>	<b>6.337,000</b>	<b>5.837,000</b>	<b>5.837,000</b>	<b>6.337,000</b>	
<b>1</b>	<b>Chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024</b>	<b>5.339,000</b>	<b>5.339,000</b>	<b>5.339,000</b>	<b>5.339,000</b>	
<b>1.1</b>	<b>Dự án 2: Đa dạng kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>	<b>4.100,000</b>	<b>4.100,000</b>	<b>4.100,000</b>	<b>4.100,000</b>	
a	Dự án trồng cây dược liệu	4.100,000	4.100,000	0,000	0,000	
-	Xã Tá Bạ (Dự án hỗ trợ trồng dược liệu)	400,000	400,000		0,000	
-	Xã Ka Lăng (Dự án hỗ trợ trồng dược liệu)	700,000	700,000		0,000	
-	Xã Thu Lũm (Dự án hỗ trợ trồng dược liệu)	700,000	700,000		0,000	
-	Xã Pa Ủ (Dự án hỗ trợ trồng dược liệu)	800,000	800,000		0,000	
-	Trung Tâm DVNN (Hỗ trợ trồng Sâm Lai Châu, đẳng sâm tại xã Pa Vệ Sù, Tà Tông)	1.500,000	1.500,000		0,000	
b	Dự án hỗ trợ đa dạng sinh kế (Chăn nuôi gia súc)	0,000	0,000	4.100,000	4.100,000	
-	Xã Tá Bạ (Dự án nuôi trâu, bò sinh sản)	0,000		400,000	400,000	
-	Xã Ka Lăng (Dự án nuôi lợn sinh sản)	0,000		700,000	700,000	
-	Xã Thu Lũm (Dự án nuôi lợn sinh sản)	0,000		700,000	700,000	
-	Xã Pa Ủ (Dự án nuôi Trâu sinh sản)	0,000		800,000	800,000	
-	Trung Tâm DVNN (Dự án chăn nuôi ngựa sinh sản)	0,000		1.500,000	1.500,000	
<b>1.2</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>	<b>1.239,000</b>	<b>1.239,000</b>	<b>1.239,000</b>	<b>1.239,000</b>	
a	Tiểu dự án 1 : Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	1.239,000	1.239,000	1.239,000	1.239,000	
*	Dự án nuôi ong mật	250,000	250,000	0,000	0,000	
-	Xã Can Hồ	250,000	250,000		0,000	
*	Dự án trồng cây dược liệu (Xã Tá bạ)	989,000	989,000		0,000	

STT	Nội dung	Số liệu đã phê duyệt trước khi điều chỉnh	Kinh phí		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh Tăng (+)		
A		1	2	3	4	5
*	Dự án chăn nuôi gia súc, trồng trọt	0,000	0,000	1.239,000	1.239,000	
-	Xã Can Hồ (Dự án nuôi Dê sinh sản)	0,000		250,000	250,000	
-	Xã Tá Bạ (Dự án nuôi trâu, bò sinh sản)	0,000		989,000	989,000	
<b>2</b>	<b>Vốn kế hoạch năm 2024</b>	<b>998,000</b>	<b>498,000</b>	<b>498,000</b>	<b>998,000</b>	
<b>2.1</b>	<b>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>	<b>998,000</b>	<b>498,000</b>	<b>498,000</b>	<b>998,000</b>	
-	Trung Tâm DVNN	998,000	498,000	498,000	998,000	
	+ Dự án Trồng cây riêng	498,000	498,000		0,000	
	+ Dự án chăn nuôi bò sinh sản	500,000		498,000	998,000	